

Bản án số: 06/2019/HS-ST
Ngày 23 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên
2. Ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Kiển - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019, Thông báo dời ngày xét xử số 01/2019/TB-TA ngày 02/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/HSST-QĐ ngày 05/4/2019, Thông báo dời ngày xét xử số 02/2019/TB-TA ngày 09/4/2019 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 tại ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Út N1 và bà Nguyễn Thị Đ; tiền án: Ngày 30/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 13/4/2011 bị Tòa án

nhân dân huyện An Biên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” là án tích; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/10/2018 cho đến nay (Bị cáo có mặt).

Họ và tên: Nguyễn Thái N, sinh năm 1984 tại ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Võ Thị N; có vợ tên Thị H và 02 người con, lớn sinh năm 2005 nhỏ sinh năm 2011; tiền án: Ngày 30/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/5/2006 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 27/7/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm xử phạt 09 tháng tù; Ngày 16/8/2007 bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đến ngày 30/10/2007 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm xử phạt 01 năm 03 tháng tù đó là các án tích (Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/10/2018 đến ngày 05/3/2019 được bảo lãnh cho tại ngoại và bị chết vào ngày 07/4/2019.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thái N: Ông Bùi Đức Đ - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

- Các bị hại:

1/ Ông Trần Cảnh Hát, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp T, xã N. A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2/ Anh Dương Văn Đ1, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3/ Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

4/ Anh Trần Minh K, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Lê Văn Q, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố n, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3/ Chị Huỳnh Thị Huyền G, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Thái N là các đối tượng có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích đã tiếp tục cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp trên địa bàn huyện A. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 07/8/2018, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thái N đi từ nhà thuộc ấp R, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang đến khu vực cầu B, thuộc ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện cửa hàng điện thoại di động của anh Trần Minh K đang đóng cửa rồi nảy sinh ý định trộm cắp. T và N đến mé sông phía vách bên trái căn nhà rồi T dùng một tấm ván gỗ cạy vách thiếc bên hông để đột nhập vào trong nhà nhưng không chui lọt nên N tiếp tục dùng thanh gỗ cạy cho vách thiếc hở lớn ra để T chui vào bên trong. Khi vào được trong nhà phát hiện có tủ trưng bày có nhiều điện thoại T đã lấy nhiều điện thoại di động nhãn hiệu các loại chuyển ra ngoài cho N. Sau khi lấy trộm được điện thoại T và N đến gằm cầu B, xã H mở bỏ hộp điện thoại rồi T kêu N về trước, một mình T mang số điện thoại lên R bán cho một cửa hàng điện thoại (Không nhớ địa chỉ) được 6.000.000 đồng. Số tiền này T và N chia đều tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào Khoảng 23 giờ ngày 12/8/2018, T và N bàn nhau đi trộm cắp để lấy tiền tiêu xài. T và N thuê xe ôm từ Ấp R đến khu vực ấp L xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện 01 xe mô tô SYM, số loại Galaxy màu xanh – trắng biển kiểm soát 68B1-173.28 của anh Dương Văn Đ1 đậu trên lộ không người trông giữ. T đến bứt dây mát của xe, N đứng giữ xe cho T bứt dây mát sau đó T điều khiển xe chở N về nhà của N và một mình T mang xe trộm được đi R bán cho một người lạ mặt không rõ nhân thân với giá 2.000.000 đồng. T và N chia

đều nhau số tiền này để tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 23 giờ ngày 15/8/2018, T đi bộ từ nhà ở ấp R, đến ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang phát hiện trong nhà ông Huỳnh Phi L có đậu 01 xe Honda, số loại Wave màu xanh – trắng biển kiểm soát 68 S1- 142.81 đang đậu bên hông nhà và có sẵn chìa khóa trên xe. T đến dắt xe ra lộ rồi điều khiển xe đi R bán cho người lạ không rõ nhân thân được 3.000.000 đồng. Số tiền này T tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 21 giờ ngày 22/8/2018, sau khi uống rượu ở nhiều nơi T, N và ông Trần Cảnh H1 tiếp tục về nhà của ông H1 ở ấp T, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang để uống rượu. T uống được một lúc thì nghỉ uống, còn N và ông H1 uống đến khoảng 00 giờ ngày 23/8/2018 thì nghỉ và ông H1 lên giường nằm ngủ. Đến khoảng 03 giờ ngày 23/8/2018, T thức giấc phát hiện trên người ông H1 có đeo nhiều vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp. T lén đến cạnh giường chỗ ông H1 nằm rồi dùng tay tháo 01 chiếc lắc tay và 02 sợi dây chuyền đều là vàng 24kara và lấy 01 điện thoại di động loại bàn phím không nhớ nhãn hiệu. Sau đó T gọi N thức dậy đi về. Trên đường về T ném bỏ chiếc điện thoại của ông H1 rồi kể cho N nghe việc trộm cắp tài sản của ông H1. Sau đó cả hai thuê xe taxi đi R bán cho một tiệm vàng (Không nhớ địa chỉ) được 69.000.000 đồng, số tiền này T và N chia đều nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá số 31/KL-HĐĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Galaxy, số máy VMVBAE-D00314; số khung RLGMD11KDED00314; biển kiểm soát 68B1- 173-28 có giá 12.600.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh – bạc, biển kiểm soát 68S1 -142.81 có giá 7.500.000 đồng;

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá huyện A kết luận:

- 27 chỉ vàng 24kara giá 3.506.000 đồng/ 01 chỉ thành tiền 94.662.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động, loại không bàn phím (không nhớ hiệu) có giá 250.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/HĐĐG ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận:

- 36 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu các loại có giá tổng cộng là 56.260.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện An Biên tiến hành thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu xanh – bạc, biển kiểm soát 68S1 -142.81 và 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Galaxy, số máy VMVBAE-D00314; số khung RLGMD11KDED00314; biển kiểm soát 68B1- 173.28.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện An Biên đã xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Dương Văn Đ1 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Galaxy, số máy VMVBAE-D00314, số khung RLGMD11KDED00314, biển kiểm soát 68B1- 173.28; trả lại cho bị hại Huỳnh Phi L 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Galaxy, số máy VMVBAE-D00314, số khung RLGMD11KDED00314, biển kiểm soát 68B1- 173-28.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Thái N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 bộ luật hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát công bố cáo trạng giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thái N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự. Ngoài ra Viện kiểm sát còn đính chính nội dung cáo trạng, cụ thể: Bị hại Dương Văn Đ1 và bị hại Huỳnh Phi L đã nhận lại các tài sản bị mất

không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét; đính chính các sai sót do lỗi đánh máy, cụ thể: Tại trang 5 dòng thứ 6 từ dưới lên đã ghi “c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000 đồng” đính chính thành “c) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” và tại trang 6 dòng thứ nhất và thứ hai từ trên xuống đã ghi “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 1.000.000 đồng” đính chính thành “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”.

Bị cáo Nguyễn Thái N bị nhiễm HIV giai đoạn cuối, không còn khả năng đi lại nên ngày 05/3/2018 đã được thay đổi biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp Bảo lãnh. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2019, bị cáo N thừa nhận đã có những lần tham gia trộm cắp cùng bị cáo T, một lần trộm cắp điện thoại di động tại ấp X, xã H vào ngày 07/8/2018, số tiền bán điện thoại được T chia đều mỗi người 3.000.000 đồng, 01 lần trộm cắp xe máy tại ấp L, xã H được T chia cho 1.000.000 đồng và một lần cùng T đi bán số vàng do T trộm cắp tại ấp T, xã N. A, số tiền bán vàng T và N chia nhau mỗi người 34.500.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T thừa nhận đã có hành vi phạm tội như sau: Vào ngày 07/8/2018 T cùng N trộm cắp nhiều điện thoại tại ấp X, xã H sau đó mang đi R bán được 6.000.000 đồng, T chia cho N 3.000.000 đồng; ngày 12/8/2018 T cùng N trộm cắp 01 chiếc xe SYM của ông Dương Văn Đ1 tại ấp L, xã H một mình T mang xe đi bán được 2.000.000 đồng, T chia cho N 1.000.000 đồng; ngày 15/8/2018 một mình T trộm cắp xe Wave của ông Huỳnh Phi L tại ấp L, xã H mang đi R bán được 3.000.000 đồng và ngày 23/8/2018 T đã lấy trộm 02 sợi dây chuyền, 01 chiếc lắc tay (Đều là vàng 24kara) và 01 chiếc điện thoại di động của ông Trần Cảnh H1 sau đó cùng T đi R bán số vàng trộm cắp được 69.000.000 đồng, hai bị cáo chia đôi mỗi người 34.500.00 đồng. Bị cáo T không thừa nhận việc lấy trộm chiếc nhẫn trị giá 02 chỉ vàng 24kara của ông H1 và có ý kiến chịu trách nhiệm bồi thường 50% số tài sản đã trộm cắp của ông H1, bị cáo T và ông H1 cùng

thống nhất giá trị tài sản mà T đã trộm cắp của ông H1 là 87.000.000 đồng. Đối với số điện thoại trộm cắp tại cửa hàng điện thoại di động của Trần Minh K bị cáo T xác định đã lấy trộm nhiều điện thoại di động không nhớ cụ thể bao nhiêu nhưng đã lấy khoảng 20 cái và đem bán được số tiền 6.000.000 đồng chứ không phải là 36 cái. Bị cáo xác định mục đích của những lần trộm cắp là muốn chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu đem bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại phiên tòa người bị hại Trần Cảnh H1 yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị 25 chỉ vàng 24 kara (Gồm 02 sợi dây chuyền và 01 chiếc lắc tay) và chiếc điện thoại di động với số tiền tổng cộng là 87.000.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời khai của người bị hại Dương Văn Đ1 thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất với kết luận định giá về chiếc xe của mình bị các bị cáo trộm cắp, xác định đã nhận lại được tài sản bị mất là chiếc xe SYM, số loại Galaxy màu trắng – xanh biển kiểm soát 68 B1- 173.28, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Lời khai của người bị hại Huỳnh Phi L thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau: Thống nhất với kết luận định giá về chiếc xe của mình bị bị cáo T trộm cắp, xác định đã nhận lại được tài sản bị mất là chiếc xe Wave màu xanh - trắng biển kiểm soát 68S1-142.81, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo T.

Lời khai của người bị hại Trần Minh K thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau: Xác định bị mất 60 cái điện thoại di động, yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 80.000.000 đồng.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Huỳnh Thị Huyền G thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau: Chiếc xe Wave biển kiểm soát 68 S1- 142.81 do chị Huyền G đứng tên chủ sở hữu nhưng chị G đã bán chiếc xe này cho ông cha là ông Huỳnh Phi L nhưng chưa sang tên. Chị G không có yêu cầu gì trong quá trình giải quyết vụ án.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Văn H3 và Lê Văn Q thể hiện trong hồ sơ vụ án như sau: Ông H3 mua chiếc xe 68S1- 142.81

của một người lạ mặt ở khu vực R1, anh Q mua SYM biểm kiểm soát 68 B1-173.28 của người lạ tại khu vực T. Hai chiếc xe trên ông H và anh Q đã giao lại cho cơ quan công an và không có yêu cầu bồi thường gì.

Trong bản luận tội, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với hành vi trộm cắp vàng xác định bị cáo T là người có hành vi trộm cắp vàng còn bị cáo N là người không có hứa hẹn trước nhưng có hành vi tiêu thụ tài sản do T trộm cắp được do đó một mình bị cáo Tèo có trách nhiệm bồi thường cho ông H1 số tiền là 87.000.000 đồng, mức bồi thường này theo thống nhất giữa bị cáo và ông H1 tại phiên tòa; đối với hành vi trộm cắp điện thoại di động Viện kiểm sát xác định giá trị tài sản mà bị cáo T và bị cáo N đã trộm cắp tại cửa hàng điện thoại di động của bị hại K là 6.000.000 đồng. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; , khoản 1 Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 04 năm đến 05 năm tù. Đề nghị đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Thái N do bị cáo N chết trước ngày mở phiên tòa.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền bị cáo T đã thu lợi bất chính từ việc bán 02 xe mô tô trộm cắp là 4.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị:

Đối với bị hại Huỳnh Phi L và bị hại Dương Văn Đ1 đã nhận lại tài sản bị mất không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Buộc bị cáo T bồi thường cho bị hại Trần Cảnh H1 số tiền 87.000.000 đồng.

Bị hại Trần Minh K vắng mặt tại phiên tòa do đó đề nghị tách phần trách nhiệm dân sự ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với phần trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo N đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị T có ý kiến trình bày như sau: Thống nhất với Viện kiểm sát việc truy tố bị cáo T và bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Thống nhất với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo T.

Người bào chữa cho các bị cáo không thống nhất việc Cáo trạng truy tố bị cáo N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với lập luận: Mục đích của các bị cáo đi trộm cắp để có tiền tiêu xài cá nhân, hành vi trộm cắp hoàn thành khi T lấy được vàng từ trên người của ông H1 nhưng kết thúc vào thời điểm các bị cáo đem số vàng trộm được đi bán và chia tiền nhau tiêu xài do đó hành vi của N không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mà chỉ là đồng phạm với T trong việc trộm cắp tài sản (Vàng). Từ đó đề nghị Viện kiểm sát rút một phần quyết định truy tố đối với N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và thống nhất với đề nghị đình chỉ vụ án đối với bị cáo N của Viện kiểm sát do bị cáo N bị chết.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên một mức án thấp nhất có lợi cho bị cáo T và đình chỉ vụ án đối với bị cáo N.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị tách phần dân sự trong vụ trộm cắp điện thoại để giải quyết bằng vụ kiện dân sự riêng khi có yêu cầu vì bị hại K vắng mặt tại phiên tòa không làm rõ được yêu cầu nhưng đề nghị ghi nhận lời nhận tội của bị cáo liên đới cùng bị cáo N bồi thường cho bị hại số tiền 6.000.000 đồng trong đó T có trách nhiệm bồi thường 3.000.000 đồng; 02 vụ trộm xe các bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì nên không có ý kiến; vụ trộm vàng xác định T và N là đồng phạm, thống nhất mức bồi thường cho bị hại là 87.000.000 đồng nhưng trách nhiệm liên đới bồi thường giữa T và N là 50/50, T bồi thường thiệt hại cho ông H1 50% và 50% còn lại thuộc trách nhiệm của N.

Bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với lời bào chữa của Người bào chữa và không có tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Bị hại H1 không có ý kiến tranh luận mà đề nghị bị cáo T bồi thường toàn bộ thiệt hại 87.000.000 đồng .

Kết thúc tranh luận Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm đã được thể hiện trong bản luận tội.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Mong được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố về cơ bản đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuy nhiên còn có nhiều sai sót và thiếu sót như sau:

Đối với hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra: Theo chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vào khoảng 20 giờ ngày 07/8/2018 T và N có hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng điện thoại di động của Trần Minh K tại ấp X, xã H. Khi chưa tiến hành thu thập các chứng cứ về số tài sản bị mất Cơ quan điều tra đã tiến hành Yêu cầu định giá tài sản số 33 vào ngày 19/10/2018. Trong hồ sơ lời khai các bị cáo đều thể hiện đã lấy trộm khoảng 20 chiếc điện thoại di động các loại (BL 79, 80, 95, 97, 98) và bị hại thì khai mất khoảng 60 chiếc điện thoại di động các loại (BL86) nhưng Cơ quan điều tra yêu cầu định giá 36 điện thoại di động là không có căn cứ. Số điện thoại di động bị hại khai bị mất trộm vào ngày 07/8/2018 là điện thoại chưa qua sử dụng thời hạn mua cách thời điểm bị mất trộm khoảng 01 năm và 06 điện thoại khách hàng gửi sửa (BL 86) nhưng trong Yêu cầu định giá số 33 lại xác định trong số 36 cái điện thoại bị mất thì có 31 cái điện thoại mua mới vào tháng 01 năm 2018 và 05 cái mua hàng đã qua sử dụng vào tháng 7 năm 2018 (BL 13) là có sự mâu thuẫn. Nội dung yêu cầu định giá không phù hợp với chứng cứ là lời khai của người bị hại, của các bị cáo và số lượng, giá từng chiếc điện thoại yêu cầu định giá không có chứng cứ chứng minh là thể hiện sự tùy tiện do đó kết luận định giá của Hội đồng định giá về số điện thoại di động bị mất không thể là cơ sở để xác định thiệt hại thực tế xảy ra. Tại “Đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố bị can” số 109 ngày 13/11/2018 (BL 49), Cơ quan Điều tra xác định không thống nhất về hành vi phạm tội của bị can, Quyết định khởi tố vụ án xác định tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng đề nghị phê chuẩn bị can về tội “Trộm cắp tài sản” và dẫn chiếu sai điều luật.

Đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Nhận thấy, mặc dù ngay từ

đầu N không tham gia trộm cắp vàng cùng T nhưng ở nhiều lần phạm tội trước đó T và N đều cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, cùng chia đều số tiền có được sau khi bán tài sản trộm cắp nên khi được T nói cho biết việc đã trộm vàng của ông H1 thì N lập tức hiểu ý và hòa nhập với hành vi của T nên sau đó cả hai đã cùng nhau đi bán vàng rồi chia đều số tiền bán vàng cho nhau tiêu xài. Mục đích của việc trộm cắp là có tiền để tiêu xài cá nhân nên hành vi trộm cắp vàng kết thúc khi cả hai bán được vàng và chia tiền cho nhau, do đó hành vi của N thỏa mãn dấu hiệu là đồng phạm trộm cắp vàng cùng với T chứ không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” như truy tố của Viện kiểm sát.

Mặc dù trong quá trình điều tra không xác định được nhân thân của các đối tượng đã tiêu thụ số tài sản mà bị cáo T và N thực hiện hành vi phạm tội mà có nhưng nội dung Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 25/01/2019 không có nhận định về hành vi của các đối tượng này, không đề cập xử lý về vấn đề dân sự đối với các những người đã giao nộp lại 02 chiếc xe mô tô là chưa xem xét giải quyết toàn diện các vấn đề của vụ án. Các bút lục 55 và 56 được viện dẫn trong cáo trạng có nội dung không đúng với các bút lục 55 và 56 có trong hồ sơ vụ án.

Những thiếu sót nêu trên kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên và Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên cần khắc phục ở các vụ án sau.

Trước ngày mở phiên tòa, vào ngày 07/4/2019 bị cáo Nguyễn Thái N bị chết do mắc bệnh hiểm nghèo, căn cứ vào các Điều 282, 299, 326 của Bộ luật hình sự, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thái N, Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Thái N.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Đ1 và L: Hồ sơ thể hiện các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì thêm và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục phiên tòa xét xử vắng mặt các bị hại có tên trên.

Đối với bị hại K đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nhận thấy sự vắng mặt này chỉ trở ngại cho việc giải quyết việc

bồi thường thiệt hại, do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tách nội dung bồi thường ra giải quyết bằng một vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa còn vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (H3, Q, G) nhưng trong hồ sơ thể hiện họ không có yêu cầu gì về việc bồi thường đối với hai chiếc xe mô tô đã giao nộp lại cho cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết vụ án Hội đồng xét xử quyết định việc tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa đã làm rõ: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng đêm tối và sự sơ hở của các chủ sở hữu nên trong khoảng thời gian ngắn từ ngày 07/8/2018 đến ngày 23/8/2018 T đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện A chiếm đoạt tài sản của các chủ sở hữu một cách bất hợp pháp trong đó N trực tiếp tham gia trộm cắp cùng T 03 vụ, 01 vụ vào ngày 07/8/2018 và 01 vụ vào ngày 12/8/2018 và 01 vụ vào ngày 23/8/2018 còn 01 vụ một mình T thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 15/8/2018.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của những người bị hại (H1, L, Đ1) và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo T thống nhất với kết luận định giá về 02 chiếc xe mô tô, thống nhất với ông H1 về giá trị số tài sản đã trộm cắp của ông Hát là 87.000.000 đồng. Về hành vi trộm cắp điện thoại bị cáo T cho rằng chỉ lấy trộm của anh K khoảng 20 cái điện thoại và đem bán được với số tiền 6.000.000 đồng rồi chia đôi cho T và N mỗi người 3.000.000 đồng chứ xác định không lấy 36 cái điện thoại như truy tố của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên dựa theo kết luận định giá thì giá trị của 02 chiếc xe mô tô, sự thỏa thuận về giá trị số tài sản các bị cáo đã lấy trộm của ông H1 và lời nhận tội của bị cáo về giá trị của số điện thoại trộm cắp được và ý kiến của người bào chữa cho bị cáo thì Viện kiểm sát đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện: Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi hình sự, có đủ khả năng để nhận thức tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do lười biếng lao động chân chính, luôn tìm kiếm và lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản của họ nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần, ở nhiều nơi, không chỉ lợi dụng sự sơ hở của người lạ mà thực hiện hành vi phạm tội ngay cả với người mà bị cáo vừa quen biết, vừa ăn nhậu cùng với họ. Trong những lần trộm cắp bị cáo đều là người chủ động đề xướng còn bị cáo N thì cùng tham gia. Hành vi của bị cáo vừa gây mất trật tự an toàn ở địa phương vừa xâm hại đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu tài sản.

Với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như trên thì mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, phạm tội khi chưa được xóa án tích nên Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Về nhân thân:

Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 13/4/2011, Nguyễn Văn T đã bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích, vào ngày 30/7/2014 T tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện An Biên xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản” chưa được xóa án tích.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2011 đến nay bị cáo liên tục có các hành vi chiếm đoạt tài

sản của người khác, dù ở lần phạm tội nào bị cáo cũng bị tuyên phạt một mức án nhằm giáo dục cải tạo bị cáo sống biết tuân thủ pháp luật nhưng sau mỗi lần mãn hạn tù bị cáo không lấy đó làm bài học để sống tốt hơn mà tiếp tục trở lại con đường cũ, không thể hiện sự ăn năn hối cải, sự hoàn lương và sự tiến bộ trong nhận thức do đó phải xem xét xử phạt bị cáo một mức án đủ nghiêm khắc để tiếp tục giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Văn T thu lợi bất chính từ việc bán 02 xe mô tô trộm cắp (Xe SYM số loại Galaxy biên kiểm soát 68B1-173.28 và xe Honda số loại Wave biên kiểm soát 68B1- 142.81) tổng cộng là 4.000.000 đồng .

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Dương Văn Đ1, Huỳnh Phi L đã nhận lại tài sản bị mất hiện không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Đối với bị hại Trần Cảnh H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại số tiền 87.000.000 đồng. Như phân tích ở trên hành vi của N không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” mà thỏa mãn dấu hiệu là đồng phạm của tội “Trộm cắp tài sản (vàng)” và số tiền bán vàng trộm cắp được là 69.000.000 đồng T và N chia đều mỗi người 34.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân nên mỗi bị cáo đều phải có trách nhiệm bồi thường cho ông H1 1/2 số tiền theo bị cáo T và ông H1 thống nhất tại phiên tòa là 87.000.000 đồng. Như vậy, cần buộc bị cáo T bồi thường cho ông H1 số tiền 43.500.000 đồng. Hiện bị cáo N đã chết, phần trách nhiệm dân sự của bị cáo N được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự riêng khi có yêu cầu.

Trong hồ sơ vụ án thể hiện bị hại Trần Minh K yêu cầu bị cáo T và bị cáo N liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 80.000.000 đồng. Nhận thấy, anh K xác định bị mất 60 cái điện thoại di động nhãn hiệu các loại nhưng không cung cấp được các chứng cứ thể hiện về số lượng, nguồn gốc, chủng loại và giá trị số tài sản bị mất. Các chứng cứ mà anh cung cấp sau khi Tòa án ra quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung sau khi rà soát chỉ có 02 cái điện thoại cùng nhãn hiệu với số điện thoại mà cơ quan điều tra tiến hành yêu cầu định giá đó là chiếc Intex Aqua View

(BL268) và chiếc FPT X7 (BL 269), tuy nhiên những chiếc điện thoại này lại không phù hợp về mặt thời gian nhập về và loại điện thoại anh xác định bị mất theo lời khai của anh. Như phần trên đã nhận định số điện thoại mà Cơ quan điều tra yêu cầu định giá là không có căn cứ nên kết luận định giá của Hội đồng định giá theo yêu cầu của Cơ quan điều tra không thể là cơ sở để xác định thiệt hại thực tế xảy ra. Hơn nữa lời khai của các bị cáo đều xác định số điện thoại các bị cáo trộm cắp đem bán được 6.000.000 đồng và đối chiếu với các phiếu báo giá điện thoại do anh K cung cấp sau khi Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung thì có sự tương đồng về giá trị từng chiếc điện thoại nên có căn cứ xác định lời khai của các bị cáo là phù hợp với thực tế. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đã xác định số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho cửa hàng điện thoại di động của anh Trần Minh K là 6.000.000 đồng. Sự thay đổi trong việc xác định giá trị thiệt hại của cửa hàng điện thoại di động của Viện Kiểm sát và ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp như phân tích ở trên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất xác định giá trị số điện thoại di động các bị cáo đã trộm cắp của cửa hàng điện thoại di động là 6.000.000 đồng để làm cơ sở đánh giá tính chất của hành vi phạm tội và xem xét xử lý về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo và người bị hại. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên phần trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với anh K được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Các vấn đề khác:

Các tài sản mà bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Nguyễn Thái N đã trộm cắp gồm: 02 xemô tô (01 xe có nhãn hiệu SYM, số loại Galaxy biển kiểm soát 68B1-173.28 và 01 xe có nhãn hiệu Honda số loại Wave màu xanh – trắng, biển kiểm soát 68 S1- 142.81), số điện thoại di động các loại và 25 chỉ vàng sau khi trộm cắp được bị cáo Nguyễn Văn T mang đi R tiêu thụ nhưng các bị cáo không nắm được nhân thân, địa chỉ của người mua và quá trình điều tra không xác định được các đối tượng mua bán số tài sản trên nên chưa có căn cứ để xem xét các đối tượng trên về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đề cập xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền án phí là $(87.000.000 \text{ đồng} : 2) \times 5\% = 2.175.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g và điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ ngày 11 tháng 10 năm 2018.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T do bị cáo gặp khó khăn không có khả năng về tài chính.

2. Căn cứ vào Điều 282, Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật hình sự: Đình chỉ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 05/3/2019 đối với bị cáo Nguyễn Thái N.

3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Văn T thu lợi bất chính từ việc bán 02 xe mô tô trộm cắp (Xe SYM số loại Galaxy biển kiểm soát 68B1-173.28 và xe Honda số loại Wave biển kiểm soát 68S 1-142.81) tổng cộng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại Trần Cảnh H1 số tiền 43.500.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Phản trách nhiệm dân sự bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Minh K được tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Phản trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Thái N đối với các bị hại được tách ra giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền án phí là 2.175.000 đồng. (Hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp số tiền án phí là 2.375.000 đồng (Hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VKDND tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo, bị hại, NLQ;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Cơ quan điều tra huyện An Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện An Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thơm

